

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 76/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Mua bán nợ QT.

Trụ sở: Đường T, phường BT, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuỳ D, địa chỉ đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 227/2023/POA ngày 20/6/2023).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1966. Vắng mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường D, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty Tài chính TNHH MTV S (tên cũ Công ty TNHH MTV Tài chính P). Vắng mặt.

Trụ sở: Tầng 17, tầng 23 Tòa nhà G, đường T, phường N, Quận S, Thành

phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ QT (viết tắt V) có bà Nguyễn Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết trình bày như sau:

Ngày 02/3/2015, bà Lê Thị Ngọc T và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên (viết tắt S) có ký kết hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 có nội dung sau: Khoản vay số tiền 121.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, ngày rút vốn ngày 02/3/2015 là ngày giải ngân, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 30,5%/năm. Phương thức trả nợ gốc và lãi được trả 48 kỳ vào ngày 01 hàng tháng mỗi tháng trả gốc theo dư nợ giảm dần theo bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân đính kèm hợp đồng tín dụng với phương thức cho vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Sau khi vay thì bà T thanh toán đầy đủ cho S nhưng đến kỳ thanh toán tiếp theo tức ngày 01/01/2017, bà T đã không thanh toán khoản vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho S nên ngày 01/01/2017 S đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Trong quá trình vay bà T đã trả cho S tổng số tiền 92.172.500 đồng gồm gốc số tiền 35.946.500 đồng và lãi 56.229.000 đồng. Ngày 09/9/2022, S ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-S với V. Theo thỏa thuận, S đã chuyển nhượng cho V nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó có hợp đồng tín dụng số 10662748 của bà T ký với S vào ngày 02/3/2015. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, V có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật. Sau khi hết hạn hợp đồng bà T có trả thêm cho S số tiền 2.093.000 đồng nên V sẽ trừ số tiền 2.093.000 đồng vào tiền lãi quá hạn. Tính đến thời điểm V nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nợ từ Công ty S thì tổng nợ còn lại của bà T còn nợ của hợp đồng tín dụng số 10662748 ngày 02/3/2015 số tiền 343.058.470 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 85.053.500 đồng và tiền lãi số tiền 258.004.970 đồng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V khởi kiện nhưng để tạo điều kiện cho bà T và V trong quá trình giải quyết nên V giảm lãi số tiền 32.030.554 đồng cho bà T nên V thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho V với tổng số tiền 311.027.800 đồng bao gồm: Nợ gốc số tiền 85.053.500 đồng, lãi trong hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 30,5%/năm số tiền 56.206.100 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày 20/9/2023 với mức lãi suất 30,5%/năm x 150% số tiền 171.861.200 đồng trừ số tiền 2.093.000 đồng còn lại số tiền 169.768.228 đồng của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày

02/3/2015 ký giữa bà T và S. Việc trả tiền thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 21/9/2023 trở về sau V không yêu cầu bà T trả lãi của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015. Đây là khoản vay cá nhân của bà T với S nên V không yêu cầu không đưa chồng bà T cùng có trách nhiệm trả nợ với bà T.

- Bị đơn bà T không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính TNHH MTV S trình bày tại đơn ngày 17/8/2023 thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Tòa án có nội dung như sau: S đã thực hiện bán khoản nợ của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T cho V. Theo đó S không có quyền hay nghĩa vụ đến khoản nợ này. S không có ý kiến bổ sung hay yêu cầu đối với bị đơn bà T và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ phiên xét xử của vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn V khởi kiện bà T trả số tiền còn thiếu do phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và S được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015, phiếu yêu cầu giải ngân và xác nhận của Công an Phường 14, Quận 3 ngày 06/02/2015 cho bà T thì bà T cung cấp địa chỉ cho S tại đường D, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và kết quả của Công an Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi bà T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo S là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà T có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên tiến hành xét xử vắng mặt S.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà T trả cho V tổng số tiền 311.027.800 đồng bao gồm: Nợ gốc số tiền 85.053.500 đồng, lãi trong hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 30,5%/năm số tiền 56.206.100 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày 20/9/2023 với mức lãi suất 30,5%/năm x 150% số tiền 169.768.200 đồng của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và S. Việc trả tiền thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Từ ngày 21/9/2023 trở về sau V không yêu cầu bà T trả lãi của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc.

Theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và S có nội dung sau: Số tiền vay 121.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, ngày rút vốn ngày 02/3/2015, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, khoản thanh toán hàng kỳ thứ 1 số tiền 4.289.500 đồng, từ kỳ thứ 2 đến kỳ 47 thanh toán số tiền 4.329.000 đồng, khoản thanh toán cuối cùng kỳ 48 số tiền 4.395.300 đồng, với mức lãi suất 30,5%/năm. Ngày thanh toán đầu tiên vào ngày 01/4/2015 và phương thức trả nợ gồm gốc và lãi 01 vào ngày 01 hàng tháng và bà T yêu cầu S giải ngân số tiền vay của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 thông qua số tài khoản của bà T mở tại Ngân hàng B. Ngày 02/3/2015, S đã chuyển số tiền vay 121.000.000 đồng cho bà T thông qua số tài khoản của bà T mở tại Ngân hàng B theo Công văn số 2473/CV-CNTPHCM.23 ngày 13/9/2023 của Ngân hàng TMCP C cung cấp thông tin như sau: “Bà T là chủ tài khoản thanh toán số 701499 và đính kèm bản sao kê giao dịch tài khoản VND số 701499 ngày 02/3/2015” và tại sao kê giao dịch có thể hiện như sau: “

ghi có số tiền 121.000.000 đồng với nội dung Prudential Vietnam Finance Company LTD-3585561231 NHTMCPAC HCM HCM Prudential Tai Chinh TT cho khách hàng Le Thi Ngoc Trang, TAI CN HCM theo hợp đồng 10662748” . Vì vậy, giữa bên cho vay S cho bên vay bà T vay số tiền 121.000.000 đồng theo hợp đồng nêu trên thì thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: “ *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*” nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”, thì đối chiếu tại khoản 1 Điều 4 của bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân quy định về thanh toán khoản vay như sau: “ *Việc thanh toán khoản vay và thanh toán lãi sẽ được thực hiện trên cơ sở hàng tháng và ngày thanh toán đầu tiên sẽ được ghi trên hợp đồng*” và phụ lục 2 có nêu kế hoạch thanh toán thì bà T thanh toán ngày đầu tiên vào ngày 01/4/2015 và ngày cuối cùng 01/3/2019. Do bà T trả cho S đến tháng 12/2016 với số tiền gốc 35.946.500 đồng và còn nợ gốc số tiền 85.053.500 đồng từ ngày 01/01/2017 cho đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho S. Vì vậy, căn cứ theo quy định pháp luật và những nhận định nêu trên có cơ sở xác định bà T còn nợ của S theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 số tiền 85.053.500 đồng nợ gốc.

[2.2] Về nợ lãi

Căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.*”, và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, thì đối chiếu hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 thì các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay 30,5%/năm và số tiền quá hạn được tính lãi suất 150% của lãi suất theo bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân tại khoản 4.3 Điều 4 quy định về thanh toán khoản vay là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận. Do bà T không trả nợ gốc và lãi từ ngày 01/01/2017 đến nay cho S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ S nên bà T phải trả lãi trong hạn từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 01/3/2019 của số

tiền gốc 85.053.500 với mức lãi suất 30,5%/năm số tiền 56.206.100 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày 20/9/2023 với mức lãi suất 30,5%/năm x 150% số tiền 171.891.200 đồng trừ số tiền 2.093.000 đồng mà bà T trả sau khi hết hạn hợp đồng vào lãi quá hạn nên còn lại số tiền 169.768.228 đồng là có cơ sở xác định bà T còn nợ tiền của S lãi trong hạn và lãi quá hạn số tiền nêu trên.

[2.3] Tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/Collection-S ngày 09/9/2022 ký giữa S và V quy định về đối tượng và phạm vi chuyển nhượng khoản nợ như sau: “S đồng ý bán cho V toàn bộ các quyền yêu cầu và các quyền hợp pháp khác theo quy định pháp luật liên quan đến khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo danh sách các hợp đồng tín dụng được chuyển nhượng được S cung cấp cho V theo quy định tại khoản 5.1 Điều 5 của hợp đồng này.” và tại danh sách một số khách hàng đính kèm hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-S ngày 09/9/2022 có khách hàng Lê Thị Ngọc T còn số nợ tổng số tiền 343.058.470 đồng thì thỏa thuận này phù hợp tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định chuyển giao quyền yêu cầu như sau: “1. Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận, trừ trường hợp sau đây:

- a) Quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín;
- b) Bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao quyền yêu cầu.

2. Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ.

Người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này.” nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa S và V.

Từ những nhận định tại mục [2.1], [2.2] đã xác định bà T còn nợ S của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và S với nợ gốc số tiền 85.053.500 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/3/2019 số tiền 56.206.100 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2019 tính đến 20/9/2023 số tiền 169.768.200 đồng. Do S đã chuyển giao quyền yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và S cho V thế quyền yêu cầu của S phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, V yêu cầu buộc bà T trả gốc số tiền 85.053.500 đồng, lãi

trong hạn tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/3/2019 số tiền 56.206.188 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 01/4/2019 tính đến 20/9/2023 số tiền 169.768.200 đồng của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà T và Công ty S là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu này V.

[3] Từ ngày 21/9/2023 trở về sau, V không yêu cầu bà T trả lãi của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 nên ghi nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 15.551.390 đồng đối với yêu cầu của V được chấp nhận số tiền là 311.027.800 đồng. Hoàn trả cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.576.462 đồng theo biên lai thu tiền số 0008380 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 365 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ QT.

1. Buộc bà Lê Thị Ngọc T trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ QT tổng số tiền 311.027.800 gồm: Gốc số tiền 85.053.500 đồng, lãi trong hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/3/2019 số tiền 56.206.100 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/4/2019 đến ngày 20/9/2023 số tiền 169.768.200 đồng của hợp đồng tín dụng cá nhân số 10662748 ngày 02/3/2015 ký giữa bà Lê Thị Ngọc T và Công ty TNHH MTV Tài chính P. Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu số tiền 15.551.390 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ QT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.576.462 đồng theo biên lai thu tiền số 0008380 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ QT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính TNHH MTV S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn